

Bản án số: 104/2024/HS-ST

Ngày: 19-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Hải Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân: bà **Trần Thị Kim Thủy**; ông **Vũ Anh Tuấn**.

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Nguyễn Đức Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông **Nguyễn Xuân Luyện** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Cao Văn T - tên gọi khác: không; sinh ngày 20/5/1985, tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị Đ và có 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ ngày 21/02/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Văn Q - tên gọi khác: không; sinh ngày 28/6/1983, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở trước khi bị bắt: khu T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S (đã chết) và bà Trần Thị C (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị L1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, Quảng Ninh xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ ngày 05/9/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Đức D - tên gọi khác: không; sinh ngày 10/5/1999, tại tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký thường trú: khu D, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ; nơi ở trước khi bị bắt: khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Thị V; có vợ là Chu Thị Thúy L2 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Tháng 9/2018 bị Công an huyện Đ, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Ngày 27/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng, ngày 29/12/2020 chấp hành xong.

+ Ngày 30/11/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt quả tang và bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam ngày 02/9/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

4. Họ và tên: Trần Quốc H - tên gọi khác: không; sinh ngày 18/3/1993, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú: thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở trước khi bị bắt: khu T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T2 và bà Phạm Thị D1; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam ngày 05/9/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

5. Họ và tên: Phạm Tuấn A - tên gọi khác: không; sinh ngày 25/10/2005, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở trước khi bị bắt: khu T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị L1; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam ngày 05/9/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Văn T*: Luật sư Nguyễn Thu H1, Công ty L4, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.
- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Q*: Luật sư Hà Anh B1, Công ty L5, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.
- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức D*: Luật sư Phạm Thị Mai P, Công ty L6, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.
- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc H*: Luật sư Nguyễn Việt D2, Công ty L6, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.
- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Tuấn A*: Luật sư Đàm Thị T3, Văn phòng L7, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.
- *Trợ giúp pháp lý cho bị cáo Phạm Tuấn A*: bà Phạm Thị L3, Luật sư Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Q, có mặt.
- *Người làm chứng*:

+ Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1986; nơi cư trú: khu H, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;

+ Anh Voòng A N, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn T, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;
+ Anh Ngô Văn T5, sinh năm 1999; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02/9/2023, Công an thành phố M tiến hành kiểm tra hành chính phòng trọ của Nguyễn Đức D ở số A đường N, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh phát hiện bắt quả tang Nguyễn Đức D đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để bán. Vật chứng thu giữ tại khe hở trên gác xép trong phòng trọ 07 túi nylon cùng kích thước 3x3 cm chứa tổng cộng 09 viên nén màu trắng (trong đó có 02 túi mỗi túi chứa 02 viên nén và 05 túi mỗi túi chứa 01 viên nén), có tổng khối lượng 3,596 gam là chất ma túy MDMA; 05 túi nylon cùng kích thước 2,5x2,5 cm trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng có tổng khối lượng 3,563 gam là chất ma túy Ketamine; 01 cân điện tử và nhiều vỏ túi nylon.

Khám xét quán K của Phạm Văn Q ở khu T, phường N là nơi D đến làm thuê cho Q, thu giữ 02 túi nylon cùng kích thước 8x5 cm đều chứa chất tinh thể màu trắng có tổng khối lượng 31,917 gam là chất ma túy Ketamine; 01 túi nylon kích thước 8x5 cm chứa nhiều viên nén màu trắng có tổng khối lượng 15,35 gam là chất ma túy MDMA; 01 túi nylon kích thước 2,5x2,5 cm chứa chất tinh thể màu trắng có khối lượng 0,54 gam là chất ma túy Ketamine và 01 viên nén màu trắng có khối lượng 0,391 gam là chất ma túy MDMA. Ngoài ra còn thu giữ 01 cân điện tử, 01 lọ nhựa, 02 hộp giấy và nhiều vỏ túi nylon.

(Theo bản kết luận giám định số 1302 ngày 11/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q).

Quá trình điều tra đã xác định được hành vi phạm tội của các bị can trong vụ án như sau:

1. Hành vi của Chu Quang S1 và Cao Văn T bán trái phép chất ma túy cho Phạm Văn Q.

Vụ thứ nhất:

Vào sáng ngày 05/8/2023, Phạm Văn Q gọi điện cho Chu Quang S1 đặt mua 25 gam ma túy Ketamine và 20 viên ma túy thuốc lắc. Q đã chuyển khoản số tiền 24.000.000 đồng từ tài khoản số 107800280683 của Quảng mở tại ngân hàng TMCP C3 đến số tài khoản số 105873296921 của Cao Văn T mở tại ngân hàng TMCP C3 để trả tiền mua ma túy. Sau khi nhận được tiền mua ma túy của Q, T đã chuyển số tiền này vào tài khoản của Đặng Thị N1 (là vợ của S1) theo chỉ đạo của S1.

Sau khi chuyển tiền mua ma túy cho T, Q bảo Nguyễn Đức D đi Hưng Yên gặp T và Sáng để nhận ma túy mang về thành phố M cho Q.

Theo chỉ đạo của Q, D đi xe khách đến nút giao huyện Y, tỉnh Hưng Yên với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng thì xuống xe đợi Sáng. Khoảng 15 phút sau Sáng lái xe ô tô chở T đi đến, khi thấy xe của S1 đến, D đi về phía cửa lái thì

S1 hạ cửa kính xe xuống rồi đưa cho D một phong bì chứa ma túy để D mang về M giao lại cho Q.

Vụ thứ hai:

Khoảng 09 giờ ngày 01/9/2023, tại quán K thuộc khu T, phường N, thành phố M, Phạm Văn Q chỉ đạo Nguyễn Đức D đến Hưng Yên để mua ma túy của S1 và T. Q bảo D mang theo 44.000.000 đồng là tiền D đang quản lý do trước đó bán ma túy mà có và bảo Trần Quốc H giao cho D thêm 6.000.000 đồng để đi mua ma túy và 1.000.000 đồng để D chi phí đi đường. Sau đó Q gọi điện cho S1 và T đặt mua 50 gam ma túy Ketamine với giá 34.000.000 đồng; 50 viên thuốc lắc giá 10.000.000 đồng và 03 túi ma túy nước vui với giá 6.000.000 đồng.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, D đón xe khách đến nút giao Yên M với đường C Hà Nội - Hải Phòng gặp S1 lái xe ô tô chở T đi đến. D lên xe ngồi ở hàng ghế sau, S1 bảo T lấy ở hộc chứa đồ cánh cửa bên phụ 01 hộp cát tông (loại đựng mỹ phẩm) bên trong có 50 gam ma túy Ketamine, 50 viên ma túy thuốc lắc và 03 túi ma túy nước vui giao cho D. Nhận ma túy xong, D trả cho S1 50.000.000 đồng rồi đón xe khách về M.

2. Hành vi bán trái phép chất ma túy của Phạm Văn Q, Nguyễn Đức D, Phạm Tuấn A và Trần Quốc H.

Sau khi Q mua được 25 gam ma túy Ketamine và 20 viên ma túy thuốc lắc của Chu Quang S1 và Cao Văn T vào ngày 05/8/2023, Q giao số ma túy này cho Nguyễn Đức D chia ma túy thành nhiều túi nhỏ để bán cho khách với giá 2.000.000 đồng/1 túi ma túy Ketamine và 500.000 đồng/1 viên ma túy thuốc lắc, cụ thể như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2023, Phạm Tuấn A bảo với D là Tuấn A có người bạn tên là T6 ở huyện Đ muốn mua 01 gam ma túy Ketamine và 01 viên ma túy thuốc lắc. Sau đó D cùng Tuấn A mang ma túy đến khu R, huyện Đ bán cho T6.

Ngày 30/8/2023, Trần Quốc H gọi điện bảo D mang 01 túi Ketamine và 01 viên thuốc lắc đến quán K bán cho Voòng A N, sinh năm 1998, trú tại thôn T, xã H, thành phố M. Khoảng 10 phút sau, H lại tiếp tục gọi điện bảo D mang 01 túi Ketamine và 01 viên thuốc lắc đến quán cho N. Cả 2 lần N đều chuyển khoản trả tiền mua ma túy cho D.

Ngoài ra D còn bán ma túy cho nhiều người khác không nhớ tên và địa chỉ. Số tiền bán ma túy D thu được 44.000.000 đồng, D đã quản lý và bỏ ra để mua ma túy vào ngày 01/9/2023 theo chỉ đạo của Q.

Số ma túy Q mua của S1 và chỉ đạo D đi nhận ngày 01/9/2023, D đã mang về quán Karaoke đưa cho Phạm Tuấn A cất giấu. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Q gọi cho D hỏi ma túy để ở đâu, D nói đã đưa ma túy đưa Tuấn A, sau đó Q đến quán lấy 01 túi ma túy nước vui để sử dụng.

Đến khoảng 01 giờ ngày 02/9/2023, Q gọi điện bảo D đến quán K để chia ma túy vào các túi nylon nhỏ để bán. Tại phòng Vip 1, D cùng Phạm Tuấn A dùng cân điện tử chia ma túy Ketamine vào 14 túi nylon và lấy 10 viên thuốc lắc cho vào một túi nylon. Tuấn A bảo D để lại cho Tuấn A 01 túi Ketamine vừa mới chia còn D mang 13 túi ma túy Ketamine và 10 viên thuốc lắc về phòng trọ cất giấu. Số ma túy còn lại gồm 31,917 gam Ketamine; 15,741 gam thuốc lắc và 02 túi ma túy nước vui D đưa cho Tuấn A cất giấu.

Khi D đang trên đường mang ma túy về phòng trọ cất giấu thì Q gọi điện bảo D mang 03 túi ma túy Ketamine đến đoạn đường đối diện với cây xăng (cạnh bên xe M) rồi đi đến cuối đường để giao cho một người đàn ông tên là C1 (không rõ địa chỉ). Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, Q lại gọi điện bảo D mang 02 túi ma túy Ketamine và 03 viên ma túy thuốc lắc đến địa điểm trên giao cho C1. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, Q lại gọi điện bảo D mang 02 túi Ketamine đến giao cho C1.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T4, sinh năm 1986, trú tại khu H, phường H, thành phố M gọi điện cho D đặt mua 02 túi ma túy nước vui, 03 túi ma túy Ketamine, 02 viên ma túy thuốc lắc. D bảo Tuấn A đưa cho D 02 túi ma túy nước vui do Tuấn A đang cất giấu. Khoảng 15 giờ cùng ngày, D mang ma túy đi bán cho T4.

Sau khi bán ma túy cho T4, D nhận được điện thoại của Trần Quốc H bảo D mang 02 túi ma túy Ketamine đến quán K để bán cho khách của H (H nhận đứng ra đảm bảo số tiền khách nợ mua ma túy của D).

3. Hành vi của Phạm Văn Q bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn H2 và Ngô Anh T7:

Khoảng 02 giờ ngày 10/5/2023, Nguyễn Văn H2, sinh năm 1994, trú tại thôn B, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang, Vũ Thị Q1, sinh năm 1999, trú tại tổ E khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh và Lý Thị T8, sinh năm 2000, trú tại khu C, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh thuê phòng số 3001 khách sạn N3 ở khu C, phường K, thành phố M để tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy. H2 gọi điện cho Phạm Văn Q đặt mua 02 túi ma túy Ketamine và 01 túi ma túy nước vui để sử dụng. Khoảng 20 phút sau Q mang ma túy đến phòng 3001 khách sạn bán cho H2 với giá 1.600.000 đồng/01 túi ma túy Ketamine và 3.000.000 đồng/01 túi ma túy nước vui.

Khoảng 22 giờ cùng ngày H2, Q1 và T8 về phòng trọ của T8 và Q1 ở ngõ A đường T, khu C, phường H, thành phố M. Huấn tiếp tục gọi điện cho Q đặt mua 02 túi ma túy Ketamine và 01 túi ma túy nước vui. Khoảng 20 phút sau Q thuê xe taxi của anh Cháu A N2, sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh đến ngõ A đường T bán ma túy cho Huấn

Khoảng 17 giờ ngày 11/5/2023, H2 tiếp tục gọi điện cho Q đặt mua 01 túi ma túy nước vui và 02 túi ma túy Ketamine và bảo Q1 xuống đầu ngõ để nhận ma túy. Khoảng 20 phút sau Q thuê xe taxi của anh C2 A N2 đến ngõ A đường T bán ma túy cho Q1

Khoảng đầu tháng 8/2023, tại khu vực Công Bệnh viện thành phố M, Q đã bán trái phép 01 túi ma túy Ketamine cho Ngô Anh T7, sinh năm 1999, trú tại thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang với giá 3.600.000 đồng. Trước đó Q còn nhiều lần bán ma túy cho T7 để T7 sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức D, Cao Văn T, Phạm Tuấn A và Trần Quốc H đều khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Phạm Văn Q chỉ thừa nhận đã đặt mua của Cao Văn T và Chu Quang S1 50 gam Ketamine, 30 viên thuốc lắc và 03 túi ma túy nước vui.

Quá trình điều tra, các bị cáo Cao Văn T, Phạm Văn Q, Nguyễn Đức D, Trần Quốc H, Phạm Tuấn A đều khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Bản Cáo trạng số 2373/CT-VKSQN-P1 ngày 13/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Cao Văn T, Phạm Văn Q, Nguyễn Đức D, Trần Quốc H, Phạm Tuấn A về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là đúng, không oan vì các bị cáo có hành vi mua bán trái phép ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như mô tả trong bản cáo trạng. Lời khai của các bị cáo tại cơ quan Công an là chính xác, khách quan và có sự tham gia của Luật sư khi hỏi cung.

Bị cáo Phạm Văn Q chỉ thừa nhận đã đặt mua của Cao Văn T và Chu Quang S1 50 gam Ketamine, 30 viên thuốc lắc và 03 túi ma túy nước vui. Không thừa nhận việc bảo Nguyễn Đức D ngày 05/8/2023 đến Hưng Yên mua 25gam Ketamine và 20 viên thuốc lắc.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Cao Văn T, Phạm Văn Q, Nguyễn Đức D, Trần Quốc H, Phạm Tuấn A phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức D; áp dụng khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Tuấn A), đề nghị xử phạt bị cáo Cao Văn T từ 18 đến 19 năm tù; xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 18 đến 19 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D từ 16 đến 17 năm tù; xử phạt bị cáo Trần Quốc H từ 15 đến 16 năm tù; xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A từ 12 đến 13 năm tù; đề nghị xử lý án phí; vật chứng theo quy định của pháp luật; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Luật sư Nguyễn Thu H1 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo T: đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, vai trò của bị cáo: bị cáo chỉ giúp sức một cánh bị động cho Chu Quang S1; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực khai báo trong quá trình điều tra; đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì bị cáo khai ra hành vi của S1 và các bị cáo khác; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Đề nghị áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Luật sư Phạm Thị Mai P phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức D: đồng ý về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân, động cơ phạm tội của bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ ly hôn từ nhỏ nên không được sự chăm sóc của bố mẹ. Vai trò của bị cáo trong vụ án thực hiện một cách thụ động theo sự chỉ đạo của Q. Đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 vì D không biết T7 anh chưa đủ 18 tuổi và D không có lời khai bảo Tuấn A có ai mua ma túy thì giới thiệu. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ. Đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về làm người có ích cho xã hội

Luật sư Nguyễn Việt D2 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Trần Quốc H: thống nhất quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật truy tố với bị cáo. Đề nghị xem xét bị cáo có vai trò giúp sức trong vụ án không đáng kể, bị cáo không được bàn bạc, tham gia trong việc mua bán ma túy; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Đàm Thị T3 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Phạm Tuấn A: về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Luật sư không có ý kiến gì. Về hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nặng vì bị cáo phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên, nhận thức chưa hoàn chỉnh, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Luật sư Phạm Thị L3 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Phạm Tuấn A: đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật truy tố đối với bị cáo. Về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Bị cáo khi phạm tội chưa đủ tuổi thành niên, nhận thức còn chưa đầy đủ; hoàn cảnh phạm tội, môi trường sống của bị cáo có ảnh hưởng rất nhiều đến bị cáo; vai trò của bị cáo trong vụ án là người giúp sức không trực tiếp mua bán ma túy; đề nghị áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì bị cáo khai ra số ma túy cất giấu tại quán karaoke. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

Các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đưa ra các căn cứ chứng minh đối đáp và giữ nguyên quan điểm đã đề nghị với Hội đồng xét xử.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận thức được hành vi là vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Q, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo; Luật sư bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: căn cứ lời khai của các bị cáo vì lời khai của bị cáo này là chứng cứ chứng minh hành vi của bị cáo kia, căn cứ vào vật chứng thu giữ, bản ảnh vật chứng, các kết luận giám định, kết quả nhận dạng, các dữ liệu điện tử và một số chứng cứ khác. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Vào các ngày 05/8/2023 và 01/9/2023 Cao Văn T đã giúp sức cho Chu Quang S1 2 lần bán trái phép chất ma túy cho Phạm Văn Q tổng khối lượng 75 gam ma túy Ketamine, 27,37 gam ma túy MDMA và 03 túi ma túy nước vui. Số ma túy mua được của Sáng nêu trên Phạm Văn Q đã giao cho Nguyễn Đức D bán cho Vòng A N2, Nguyễn Văn T4, đối tượng tên là T6 ở Đ, đối tượng tên là

C1 ở gần bên xe M và nhiều đối tượng khác không biết tên và địa chỉ. Ngoài ra vào các ngày 10 và 11/5/2023 Q còn 03 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn H2. Khoảng đầu tháng 8/2023 Quảng bán trái phép chất ma túy cho Ngô Anh T7. Tổng khối lượng ma túy Q đã mua bán trái phép 75 gam ma túy Ketamine, 27,37 gam ma túy MDMA và 03 túi ma túy nước vui.

Từ ngày 05/8/2023 và ngày 01/9/2023 Nguyễn Đức D có hành vi giúp sức cho Phạm Văn Q mua để bán 75 gam ma túy Ketamine, 27,37 gam ma túy MDMA và 03 túi ma túy nước vui. Trong đó theo chỉ đạo của Quảng D3 đã nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho Voòng A N2, Nguyễn Văn T4, đối tượng tên là Tâm Đàm H3, đối tượng tên là C1 ở gần bên xe M và nhiều đối tượng khác không biết tên và địa chỉ. Số ma túy còn lại D3 được Q giao cho cất giấu để bán thì bị thu giữ.

Ngày 01/9/2023 Trần Quốc H có hành vi giúp sức cho Phạm Văn Q mua để bán 50 gam ma túy Ketamine, 19,55 gam ma túy MDMA và 03 túi ma túy nước vui. Trong đó còn giúp sức cho Nguyễn Đức D 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Voòng A N. Tổng khối lượng H tham gia giúp sức mua bán 50 gam ma túy Ketamine, 19,55 gam ma túy MDMA và 03 túi ma túy nước vui.

Ngày 01/9/2023 Phạm Tuấn A giúp sức cho Nguyễn Đức D cất giấu nhằm mục đích để bán 50 gam ma túy Ketamine, 19,55 gam ma túy MDMA và 03 túi ma túy nước vui. Trong đó Phạm Tuấn A còn giúp sức cho D bán trái phép chất ma túy cho đối tượng tên là T6 ở huyện Đ và giúp D cất giấu ma túy thì bị khám xét thu giữ.

Đối với bị cáo Phạm Văn Q mặc dù không thừa nhận việc bảo Nguyễn Đức D ngày 05/8/2023 đến Hưng Yên mua 25gam Ketamine và 20 viên thuốc lắc. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Nguyễn Đức D, Cao Văn T, kết quả sao kê tài khoản mà Q chuyển tiền cho T để mua ma túy vào ngày 05/8/2023, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ xác định ngày 05/8/2023 Cao Văn T giúp cho Chu Quang S1 bán 25gam Ketamine và 20 viên thuốc lắc (7,82gam MDMA) cho Phạm Văn Q thông qua Nguyễn Đức D.

Hành vi của các bị cáo Cao Văn T, Phạm Văn Q, Nguyễn Đức D, Trần Quốc H, Phạm Tuấn A là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, là nguồn phát sinh các tệ nạn xã hội và gây tác hại cho sức khỏe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó Chu Quang S1 là đối tượng bán ma túy cho Q nên giữ vai trò đầu (Sáng hiện đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã tách vụ án ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau). Bị cáo Cao Văn T là người giúp sức cho S1 bán ma túy cho Q, Phạm Văn Q là người mua ma túy của T và Sáng với khối lượng lớn để bán nên T và Quảng giữ vai trò thứ hai. Nguyễn Đức D là người giúp sức cho Q mua bán toàn bộ số ma túy mà Q mua của S1 và T nên có vai trò thứ ba. Sau cùng là Phạm Tuấn A và Trần Quốc H có hành vi giúp sức cho Q và D bán ma túy.

[4] Tình tiết tăng nặng: các bị cáo Cao Văn T, Phạm Văn Q, Nguyễn Đức D, Trần Quốc H, Phạm Tuấn A đều nhiều lần mua bán ma túy trái phép, chưa lần nào bị xử lý hình sự nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”. Đối với bị cáo Nguyễn Đức D có hành vi nói với Phạm Tuấn A tìm người và giới thiệu bán ma túy, thời điểm Phạm Tuấn A phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, nên xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về số tiền do phạm tội mà có: bị cáo Cao Văn T giúp Chu Quang S1 bán ma túy và được trả công 2.000.000đ (hai triệu đồng); bị cáo Nguyễn Đức D giúp Phạm Văn Q bán ma túy và được trả công 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng). Đây là tiền do phạm tội mà có, do vậy cần buộc các bị cáo nộp lại số tiền này để sung nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Ngoài hình phạt chính không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo đều không có thu nhập, việc làm ổn định.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra có thu giữ một số ma túy sau giám định đã được niêm phong; 01 điện thoại di động thu của Nguyễn Đức D; 02 điện thoại di động thu của Phạm Văn Q; 02 điện thoại di động thu của Trần Quốc H; 01 điện thoại di động thu của Phạm Tuấn A; 02 cân điện tử; 01 túi giả da màu đen; 02 viên pin nhãn hiệu Con Thỏ; 01 hộp bìa cát tông; 01 lọ nhựa hình trụ; 01 túi nilon bên trong có 13 vỏ túi nilon; 01 túi nilon màu đen.

Đối với ma túy là vật cấm lưu hành và các vật dụng khác thu của các bị cáo không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với điện thoại các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Toàn bộ sim điện thoại di động kèm theo số điện thoại thu giữ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với đối tượng Chu Quang S1 hiện bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã tách vụ án và ra Lệnh truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn H2, Vũ Thị Q1 và Lý Thị T8 có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M khởi tố điều tra để xử lý trong vụ án khác nên không xem xét.

Đối với Cháu A N là người lái xe taxi chở Phạm Văn Q nhưng N không biết Q mang ma túy đi bán cho Nguyễn Văn H2 nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với các đối tượng tên T6, C1 và các đối tượng mua ma túy của Nguyễn Đức D theo sự giới thiệu của Tuấn A, Q, H và đối tượng bán ma túy cho S1 nhưng chưa làm rõ được lai lịch, địa chỉ nên không xem xét.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố: các bị cáo Cao Văn T, Phạm Văn Q, Nguyễn Đức D, Trần Quốc H, Phạm Tuấn A phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức D và áp dụng khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Tuấn A).

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/9/2023.

+ Xử phạt bị cáo Cao Văn T 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/02/2023.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 16 (mười sáu) năm tù, tổng hợp hình phạt này với hình phạt 02 (hai) năm tù tại Bản án số 212/2023/HS-ST ngày 30-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo Nguyễn Đức D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 18 (mười tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/9/2023.

+ Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/9/2023.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/9/2023.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách 06 chiếc điện thoại di động.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

+ Toàn bộ số ma túy trong 01 (một) phong bì niêm phong vật chứng sau giám định số 1302/KL-KTHS ngày 11/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q (loại ma túy và khối lượng ma túy theo Kết luận giám định số 1302/KL-KTHS của phòng K1 Công an tỉnh Q ngày 11/9/2023);

+ 02 cân điện tử; 01 túi giả da màu đen; 02 viên pin nhãn hiệu Con Thỏ; 01 hộp bìa cát tông; 01 lọ nhựa hình trụ; 01 túi nilon bên trong có 13 vỏ túi nilon; 01 túi nilon màu đen; 07 sim điện thoại.

- Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách Nhà nước cụ thể như sau: bị cáo Cao Văn T số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng); bị cáo Nguyễn Đức D số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

(Tình trạng vật chứng như được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng số 96 ngày 17/6/2024 giữa Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Ninh với Công an tỉnh Q).

3. Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Cao Văn T, Phạm Văn Q, Nguyễn Đức D, Trần Quốc H, Phạm Tuấn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: án xử công khai, báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tt khác;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND Cấp Cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS – CA tỉnh Quảng Ninh;
- TTG CA tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Hải Toàn

